

Bản án số: **47/2020/DS-ST**
Ngày: 29-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận
2. Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP A.** Địa chỉ: Lầu 8, số 266/268 đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Hà H**, sinh năm 1986, trú tại: Số nhà 98 đường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 01 tháng 6 năm 2020; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Vào ngày 04 tháng 8 năm 2015, ông Hà H ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần A tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là

Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch với số tiền 27.327.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.002.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 31 tháng 7 năm 2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2020, ông H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 21.171.827 đồng; Lãi quá hạn: 35.145.520 đồng; Tổng cộng là: 56.317.347 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, ba trăm bốn mươi bảy đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2020: 56.317.347 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc: 21.171.827 đồng; Lãi quá hạn: 35.145.520 đồng.

Đối với bị đơn ông Hà H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Hà H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Hà H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Vào ngày 04 tháng 8 năm 2015, ông Hà H ký với Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần A tại thành phố Đà Nẵng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 2,15%/tháng. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch với số tiền 27.327.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.002.000 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2, Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 31 tháng 7 năm 2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2020, ông H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 21.171.827 đồng; Lãi quá hạn: 35.145.520 đồng; Tổng cộng là: 56.317.347 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, ba trăm bốn mươi bảy đồng). Như vậy ông H đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu 2.814.867 đồng (56.317.347đ x5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.407.933 đồng (Một triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0002067 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 122, 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Hà H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Hà H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 56.317.347 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc: 21.171.827 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.145.520 đồng.

Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020, ông Hà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 04 tháng 8 năm 2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

2. Về án phí: Ông Hà H phải chịu 2.815.867 đồng (hai triệu, tám trăm mười lăm ngàn, tám trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.407.933 đồng (Một triệu, bốn trăm lẻ bảy ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0002067 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng